CÔNG TY CP DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN
Địa chỉ: 19-21-23 Phạm Viết Chánh, Quận 1, TP.HCM.
Điện thoại: 08 8399 091 Fax: 08 8399 097

MỤC LỤC **Trang**

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 1 – 3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN 4 – 5

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN

Bảng cân đối kế toán 6 – 9

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 10

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 11

Thuyết minh báo cáo tài chính 12– 23

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Dịch Vụ vận tải Sài Gòn (dưới đây được gọi là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc

Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ tài chính và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ tên	*Chức danh*
Ông Ngô Ngọc Tôn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Lê Chí Vũ	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Hồ Sỹ Dũng	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Công Đoàn	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Trần Đắc Long	Thành viên Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám đốc

Họ tên	*Chức danh*
Ông Ngô Ngọc Tôn	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Sỹ Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Công Đoàn	Phó Tổng Giám đốc

Các hoạt động chính của công ty

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần. Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003977 ngày 27 tháng 10 năm 2005 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 03 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Đây là doanh nghiệp nhà nước được chuyển sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 3257/QĐ-BGTVT ngày 28 tháng 10 năm 2004 của Bộ Giao thông Vận tải.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 19-21-23 đường Phạm Viết Chánh, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Các đơn vị trực thuộc Công ty:

- Cảng Tân Thuận Đông: thành lập theo quyết định số 17/QĐ/HĐQT của Hội đồng Quản trị Công ty CP Dịch vụ vận tải Sài Gòn ngày 18 tháng 11 năm 2005.

- Xí nghiệp Vận tải và Giao nhận: thành lập theo Quyết định số 19/QĐ/HĐQT của Hội đồng Quản trị Công ty CP Dịch vụ vận tải Sài gòn ngày 18 tháng 11 năm 2005.

Các chi nhánh của Công ty:

- Chi nhánh Cần Thơ: thành lập theo quyết định số 76/QĐ/HĐQT của Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ Phần Dịch vụ vận tải Sài gòn ngày 06 tháng 4 năm 2006.

  Hiện nay, Chi nhánh Cần thơ đã giải thể theo quyết định số 98/QĐ-HĐQT của Hội Đồng Quản trị Công ty Dịch vụ Vận tải Sài gòn ngày 01 tháng 04 năm 2009.

- Chi nhánh Hà Nội: thành lập theo quyết định số 135/2007/QĐ-HĐQT của Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ Phần Dịch vụ vận tải Sài gòn ngày 25 tháng 8 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số 0113019455 ngày 12 tháng 9 năm 2007 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Văn phòng đại diện tại Đà Nẵng: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện số 3223001556 ngày 31 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Vốn điều lệ: 20.822.000.000 đồng (Hai mươi tỷ tám trăm hai mươi hai triệu đồng)

Hoạt động chính của Công ty là vận tải đa phương thức quốc tế. Vận tải hàng hoá thông thường, hàng siêu trường, siêu trọng, vận tải hàng hoá bằng container, hàng hoá quá cảnh cho Lào, Campuchia và các nước trong khu vực. Vận tải đường thủy. Vận tải đường bộ, đường ống. Dịch vụ vận tải giao nhận hàng hoá trong và ngoài nước. Kinh doanh khai thác cảng biển, dịch vụ bốc dỡ hàng hoá tại cảng biển; hoạt động kho bãi. Dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ kiểm đếm hàng hoá; dịch vụ vệ sinh tàu biển. Đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển và dịch vụ môi giới hàng hải. Mua bán vật tư thiết bị ngành giao thông vận tải. Đưa người lao động và các chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; đào tạo, dạy nghề hướng nghiệp phục vụ xuất khẩu lao động. Kinh doanh các hoạt động phụ trợ cho vận tải. Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế. Sản xuất, sửa chữa, gia công cơ khí, sản phẩm công nghiệp khác (không hoạt động tại trụ sở).

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính tại ngày 31/12/2009 và kết quả sản xuất hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;

- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng và sự khác biệt trọng yếu nếu có được công bố, giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thiết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán PKF Việt Nam (PKF) được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009 của Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Sài Gòn.

TPHCM, ngày 30 tháng 03 năm 2010

Tổng Giám đốc

S.Đ.K.K.D 4103003977 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

NGÔ NGỌC TÔN

CÔNG TY CP DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN
Địa chỉ: 19-21-23 Phạm Viết Chánh, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 38 399 091 Fax: (08) 38 399 097

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**36,586,783,762**	**39,402,878,102**
I. Tiền & các khoản tương đương tiền	**110**		**11,300,024,588**	**2,842,158,348**
1.Tiền	111	VI.01	7,800,024,588	2,842,158,348
2.Các khoản tương đương tiền	112		3,500,000,000	-
II.Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	VI.02	**-**	**11,700,000,000**
1.Đầu tư ngắn hạn	121		-	11,700,000,000
2.Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III.Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**	VI.03	**20,177,555,256**	**22,391,016,513**
1.Phải thu khách hàng	131		18,659,940,849	19,504,587,978
2.Trả trước cho người bán	132		935,474,496	1,120,701,088
3.Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.Các khoản phải thu khác	135		582,139,911	1,765,727,447
6.Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV.Hàng tồn kho	**140**		**2,864,966,231**	**1,088,711,501**
1.Hàng tồn kho	141	VI.04	2,864,966,231	1,088,711,501
2.Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.Tài sản ngắn hạn khác	**150**	VI.05	**2,244,237,687**	**1,380,991,740**
1.Chi phí trả trước ngắn hạn	151		168,177,547	231,091,818
2.Thuế GTGT được khấu trừ	152		24,600,099	49,458,316
3.Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		43,573,195	-
5.Tài sản ngắn hạn khác	158		2,007,886,846	1,100,441,606

CÔNG TY CP DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN
Địa chỉ: 19-21-23 Phạm Viết Chánh, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 38 399 091 Fax: (08) 38 399 097

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**26,805,517,631**	**28,690,410,980**
I.Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
1.Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.Tài sản cố định	**220**		**21,789,609,297**	**25,076,596,060**
1.Tài sản cố định hữu hình	221	VI.08	**21,635,253,394**	**25,076,596,060**
- Nguyên giá	222		62,675,047,501	61,100,389,059
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(41,039,794,107)	(36,023,792,999)
2.Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4.Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		154,355,903	-
III.Bất động sản đầu tư	**240**		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV.Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**1,472,000,000**	**1,472,000,000**
1.Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	VI.06	1,472,000,000	1,472,000,000
3.Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4.Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V.Tài sản dài hạn khác	**260**	VI.07	**3,543**	

CÔNG TY CP DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN
Địa chỉ: 19-21-23 Phạm Viết Chánh, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 38 399 091 Fax: (08) 38 399 097

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**20,350,892,515**	**27,691,562,202**
I.Nợ ngắn hạn	**310**		**15,301,820,977**	**19,934,362,202**
1.Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.09	2,800,000,000	2,800,000,000
2.Phải trả cho người bán	312	VI.10	4,981,172,624	3,285,215,476
3.Người mua trả tiền trước	313	VI.10	264,402,735	192,564,689
4.Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.11	772,888,236	1,251,119,467
5.Phải trả người lao động	315		3,749,645,545	6,218,637,777
6.Chi phí phải trả	316	VI.12	1,190,700,000	2,283,611,577
7.Phải trả nội bộ	317		-	-
8.Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	VI.13	1,543,011,837	3,903,213,216
10.Dự phòng phải trả ngắn hạn (*)	320		-	-
II.Nợ dài hạn	**330**		**5,049,071,538**	**7,757,200,000**
1.Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.Phải trả dài hạn khác	333	VI.14	60,000,000	60,000,000
4.Vay và nợ dài hạn	334	VI.15	4,988,200,000	7,697,200,000

CÔNG TY CP DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN
Địa chỉ: 19-21-23 Phạm Viết Chánh, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 38 399 091 Fax: (08) 38 399 097

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
1.Tài sản thuê ngoài			
2.Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công			
3.Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4.Nợ khó đòi đã xử lý		105,759,200	105,759,200
5.Ngoại tệ các loại (USD)		394.30	2,687.08
6.Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 09 tháng 03 năm 2010

Kế Toán Trưởng	Tổng Giám Đốc
Trần Đắc Long	Ngô Ngọc Tôn

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	VII.17	**65,699,216,154**	**97,276,341,532**
2.Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**		-	-
3.Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 03)	**10**		**65,699,216,154**	**97,276,341,532**
4.Giá vốn hàng bán	**11**	VII.18	48,379,764,159	66,503,227,901
5.Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 =10 - 11)	**20**		**17,319,451,995**	**30,773,113,631**
6.Doanh thu hoạt động tài chính	**21**	VII.19	868,329,341	1,300,494,828
7.Chi phí tài chính	**22**	VII.20	1,360,389,850	908,492,076
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		325,395,000	480,165,000
8.Chi phí bán hàng	**24**		-	-
9.Chi phí quản lý doanh nghiệp	**25**		7,265,050,486	9,276,513,003
10.Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD [30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]	**30**		**9,562,341,000**	**21,888,603,380**
11.Thu nhập khác	**31**	VII.21	220,459,454	206,359,286
12.Chi phí khác	**32**	VII.22	34,346,681	108,798,571
13.Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**186,112,773**	**97,560,715**
14.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**9,748,453,773**	**21,986,164,095**
15.Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**	VII.23	857,209,243	3,323,062,973
16.Chi phí thuế TNDN hoãn lại	**52**	VII.24	-	(245,000,000)
17.Lợi nhuận sau thuế TNDN (50-51-52)	**60**		**8,891,244,530**	**18,908,101,122**

Ngày 09 tháng 03 năm 2010

Kế Toán Trưởng	Tổng Giám Đốc
Trần Đắc Long	Ngô Ngọc Tôn

CÔNG TY CP DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN
Địa chỉ: 19-21-23 Phạm Viết Chánh, Quận 1, TP.HCM.
Điện thoại: 08 8399 091 Fax: 08 8399 097

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (PP TRỰC TIẾP)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính :VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I - Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	71,174,844,234	85,297,337,096
2. Tiền trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(26,217,467,635)	(47,071,286,265)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(13,383,270,130)	(10,413,520,831)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(321,333,000)	(492,927,802)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1,083,865,773)	(2,577,580,142)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	38,691,233,618	44,544,410,881
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(63,268,423,098)	(52,474,838,543)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	**5,591,718,216**	**16,811,594,394**
II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(1,579,761,235)	(2,490,624,013)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(9,800,000,000)	(42,568,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	21,500,000,000	30,400,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(1,472,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	729,839,859	1,298,155,928
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	**10,850,078,624**	**(14,832,468,085)**
III - Lưu chuyển tiền từ hoạt đông tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	450,000,000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(514,626,000)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2,800,000,000)	(2,812,611,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4,669,304,600)	(4,918,380,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	**(7,983,930,600)**	**(7,280,991,000)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20 + 30 + 40)	50	**8,457,866,240**	**(5,301,864,691)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	**2,842,158,348**	**8,144,023,039**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50 + 60 + 61)	70	**11,300,024,588**	**2,842,158,348**

Ngày 09 tháng 03 năm 2010

Kế toán trưởng	Tổng Giám Đốc
Trần Đắc Long	Ngô Ngọc Tôn

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không thể tách rời của Báo cáo tài chính

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần. Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003977 ngày 27 tháng 10 năm 2005 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 03 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Đây là doanh nghiệp nhà nước được chuyển sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 3257/QĐ-BGTVT ngày 28 tháng 10 năm 2004 của Bộ Giao thông Vận tải.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 19-21-23 đường Phạm Viết Chánh, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Các đơn vị trực thuộc Công ty:

- Cảng Tân Thuận Đông: thành lập theo quyết định số 17/QĐ/HĐQT của Hội đồng Quản trị Công ty CP Dịch vụ vận tải Sài Gòn ngày 18 tháng 11 năm 2005.
- Xí nghiệp Vận tải và Giao nhận: thành lập theo Quyết định số 19/QĐ/HĐQT của Hội đồng Quản trị Công ty CP Dịch vụ vận tải Sài gòn ngày 18 tháng 11 năm 2005.

Các chi nhánh của Công ty:

- Chi nhánh Cần Thơ: thành lập theo quyết định số 76/QĐ/HĐQT của Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ Phần Dịch vụ vận tải Sài gòn ngày 06 tháng 4 năm 2006.

  Hiện nay, Chi nhánh Cần thơ đã giải thể theo quyết định số 98/QĐ-HĐQT của Hội Đồng Quản trị Công ty Dịch vụ Vận tải Sài gòn ngày 01 tháng 04 năm 2009.
- Chi nhánh Hà Nội: thành lập theo quyết định số 135/2007/QĐ-HĐQT của Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ Phần Dịch vụ vận tải Sài gòn ngày 25 tháng 8 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số 0113019455 ngày 12 tháng 9 năm 2007 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Văn phòng đại diện tại Đà Nẵng: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện số 3223001556 ngày 31 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Vốn điều lệ: 20.822.000.000 đồng (Hai mươi tỷ tám trăm hai mươi hai triệu đồng)

2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là vận tải đa phương thức quốc tế. Vận tải hàng hoá thông thường, hàng siêu trường, siêu trọng, vận tải hàng hoá bằng container, hàng hoá quá cảnh cho Lào, Campuchia và các nước trong khu vực. Vận tải đường thủy. Vận tải đường bộ, đường ống. Dịch vụ vận tải giao nhận hàng hoá trong và ngoài nước. Kinh doanh khai thác cảng biển, dịch vụ bốc dỡ hàng hoá tại cảng biển; hoạt động kho bãi. Dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ kiểm đếm hàng hoá; dịch vụ vệ sinh tàu biển. Đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển và dịch vụ môi giới hàng hải. Mua bán vật tư thiết bị ngành giao thông vận tải. Đưa người lao động và các chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; đào tạo, dạy nghề hướng nghiệp phục vụ xuất khẩu lao động. Kinh doanh các hoạt động phụ trợ cho vận tải. Kinh

doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế. Sản xuất, sửa chữa, gia công cơ khí, sản phẩm công nghiệp khác (không hoạt động tại trụ sở).

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán kế tiếp bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã được biết về hai mươi sáu (26) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đã được Bộ Tài chính ban hành như sau:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 1)
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 2)
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 3)
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 4).
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 5).

Tuân thủ các quyết định và thông tư hướng dẫn các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam nói trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã lựa chọn các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có thể áp dụng được đối với hoạt động kinh doanh của Công ty để lập Báo cáo tài chính.

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI DOANH NGHIỆP

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền của doanh nghiệp bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VNĐ theo tỷ giá bình quân thị trường tiền tệ liên ngân hàng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá bình quân trên thị trường tiền tệ liên ngân hàng tại ngày kết thúc năm tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá trong kỳ và đánh giá cuối kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trong năm tài chính.

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ là các chi phí dịch vụ thuê ngoài của các hợp đồng cung cấp dịch vụ đang thực hiện.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi ước tính vào thời điểm cuối năm tài chính.

Công ty chưa có chính sách lập dự phòng phải thu.

4. Phương pháp ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

TSCĐ hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Đối với tài sản cố định phát sinh trước ngày 31 tháng 12 năm 2003: giá trị còn lại của tài sản cố định được tính căn cứ vào Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty Dịch vụ Vận tải Sài Gòn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2003 và đã được Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt theo quyết định số 965 ngày 14 tháng 04 năm 2004.

Đối với tài sản cố định phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2003: nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được thể hiện theo nguyên giá. Nguyên giá này bao gồm chi phí xây dựng, giá trị máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao cho đến khi các tài sản có liên quan được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài Chính, cụ thể như sau:

Loại tài sản	*Tỷ lệ khấu hao (%/năm) Năm 2009*	*Tỷ lệ khấu hao (%/năm) Năm 2008*
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 20	4 - 20
Máy móc thiết bị	8.5 - 20	8.5 - 20
Dụng cụ quản lý	10 - 20	10 - 20
Phương tiện vận tải	6.25 - 10	6.25 - 10

Trong năm 2009 Công ty đã thay đổi tỷ lệ khấu hao so với năm 2008.

5. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

6. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên cơ sở dịch vụ đã cung cấp, được khách hàng chấp nhận thanh toán và đã phát hành hóa đơn tài chính.

Theo chính sách của Công ty ngay sau khi khách hàng nhận đợt hàng cuối cùng thì kế toán sẽ xuất hóa đơn tính phí lưu kho cho khách hàng, ghi nhận doanh thu. Do đó, có trường hợp hàng đã lưu kho trong năm 2009 nhưng khách hàng chưa nhận hàng nên Công ty chưa ghi nhận doanh thu lưu kho.

7. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập hoãn lại này có thể sử dụng được.

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% (hai mươi tám phần trăm) lợi nhuận chịu thuế.

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 (hai) năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 02 năm tiếp theo. Áp dụng bắt đầu từ năm 2006.

Năm 2009, đơn vị được giảm 30% số thuế phải nộp theo thông tư 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009.

8. Quỹ lương

Căn cứ theo biên bản họp của Hội đồng Quản trị số lần thứ XII ngày 18 tháng 08 năm 2009 về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2009, đơn giá tiền lương là 168 đồng/1000 đồng doanh thu.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính : VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Cuối năm		Đầu năm
- Tiền mặt	2,052,476,773		599,266,329
- Tiền gửi ngân hàng	5,747,547,815		2,242,892,019
- Các khoản tương đương tiền	3,500,000,000	(a)	
Cộng	**11,300,024,588**		**2,842,158,348**

(a) Đây là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 2 tháng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II

2. Đầu tư ngắn hạn	Cuối năm	Đầu năm
- Đầu tư ngắn hạn		11,700,000,000
Cộng	-	**11,700,000,000**

3. Các khoản phải thu ngắn hạn	Cuối năm		Đầu năm
- Phải thu khách hàng	18,659,940,849	(b)	19,504,587,978
- Trả trước cho người bán	935,474,496	(c)	1,120,701,088
- Các khoản phải thu nội bộ	-		-
- Các khoản phải thu khác	582,139,911	(d)	1,765,727,447
- Dự phòng phải thu khó đòi	-		-
Giá trị thuần của các khoản phải thu thương mại	**20,177,555,256**		**22,391,016,513**

(b) Bao gồm:

- Ban quản lý Dự án Thuỷ điện 5	995,328,147	
- Ban quản lý Dự án Thủy điện 6	2,124,877,482	
- Ban quản lý Dự án Thuỷ điện 7	2,655,317,119	
- Công ty Cổ phần đầu tư Kinh doanh Đô thị	4,714,750,000	
- Công ty TNHH Nhật Minh Quốc	990,918,300	
- Công ty Cơ điện Thủ Đức	920,000,000	
- Công ty TNHH Thành Trang	700,000,000	
- Ban quản lý Điện Miền Trung	334,243,012	
- Vosa TPHCM	896,796,480	
- Công ty TNHH Thoresen - Vinama	348,943,459	
- Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc	218,357,425	
- Công ty Cổ phần Xây lắp điện 2 (Đội 5)	119,000,000	(*)
- Khách hàng khác	3,641,409,425	
	18,659,940,849	

(*) Đây là khoản công nợ phải thu quá hạn, Công ty chưa trích lập dự phòng

(c) Bao gồm:

- Công ty TNHH SX DV XD Vận tải Lưu Giang	350,000,000	
- Công ty CP máy và thiết bị Công nghiệp Sài Gòn - Văn phòng	44,615,000	
- Công ty tư vấn thiết kế giao thông vận tải phía Nam	211,560,000	(*)
- Công ty CP máy và thiết bị Công nghiệp Sài Gòn - Xí nghiệp	141,779,000	
- Khác	187,520,496	
	935,474,496	

(*) Ứng trước 30% giá trị hợp đồng với số tiền là 211.560.000 đồng cho Công ty tư vấn thiết kế giao thông vận tải phía Nam theo hợp đồng số 698/HĐKT ngày 08 tháng 04 năm 2004 về việc khảo sát địa hình, địa chất và lập báo cáo nghiên cứu khả thi cho dự án đầu tư xây dựng Cảng Tân Thuận Đông mới (khu vực Cảng tổng hợp Cát Lái, Quận 2, TP.HCM). Hợp đồng này đến nay vẫn chưa kết thúc và chưa có biên bản làm việc về tiến độ hoàn thành hợp đồng.

(d) Bao gồm:

- Tiền chuyển vào tài khoản của toà án	157,989,790
- Ban A miền Nam	52,385,945
- Phải thu của Xí nghiệp Vận tải và giao nhận	205,080,000 (*)
- Phải thu khác	166,684,176
Cộng	**582,139,911**

(*) Khoản chi phí CN Hà Nội ghi nhận phải thu XN Vận tải & giao nhận, tuy nhiên XN Vận tải & giao nhận không hạch toán khoản phải trả đối với CN Hà Nội.

4. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
- Phụ tùng thay thế	254,772,739	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2,610,193,492	1,088,711,501
Cộng	**2,864,966,231**	**1,088,711,501**

5. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
- Chi phí trả trước ngắn hạn	168,177,547	231,091,818
- Thuế GTGT được khấu trừ	24,600,099	49,458,316
- Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	43,573,195	-
- Tạm ứng cho nhân viên	2,007,886,846	1,100,441,606
	2,244,237,687	**1,380,991,740**

6. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối năm		Đầu năm
- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	1,472,000,000	(e)	1,472,000,000
Cộng	**1,472,000,000**		**1,472,000,000**

(e) Đây là khoản vốn góp liên doanh với công ty KCTC Việt Nam.

7. Tài sản dài hạn khác

	Cuối năm		Đầu năm
- Chi phí trả trước dài hạn	1,830,908,334	(f)	428,814,920
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	245,000,000		245,000,000
- Tài sản dài hạn khác	1,468,000,000	(g)	1,468,000,000
Cộng	**3,543,908,334**		**2,141,814,920**

(f) Chủ yếu là Chi phí kiểm định chất lượng Công trình của Xí nghiệp Vận tải và giao nhận.

(g) Đây là khoản ký quỹ bảo lãnh dự thầu 24 tháng tại Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II

Thuyết minh báo cáo tài chính

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	***33,971,499,279***	***249,821,532***	***26,392,823,969***	***336,244,279***	***150,000,000***	***61,100,389,059***
- Tăng trong năm	**-**	**-**	**1,893,596,559**	**127,217,759**	**-**	**2,020,814,318**
- Phân loại lại tài sản				77,591,352		77,591,352
- Mua trong năm			1,893,596,559	49,626,407		1,943,222,966
- Cải tạo, nâng cấp						-
- Tăng khác						-
- Giảm trong năm	**-**	**77,591,352**	**336,755,000**	**31,809,524**	**-**	**446,155,876**
- Phân loại lại tài sản		77,591,352				77,591,352
- Thanh lý			336,755,000	31,809,524		368,564,524
- Giảm khác						-
Số dư cuối năm	***33,971,499,279***	***172,230,180***	***27,949,665,528***	***431,652,514***	***150,000,000***	**62,675,047,501**
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	***22,940,523,986***	***152,602,922***	***12,622,679,791***	***307,986,300***	**-**	***36,023,792,999***
- Tăng trong năm	**2,762,104,214**	**19,627,258**	**2,560,852,702**	**42,012,035**	**-**	**5,384,596,209**
- Phân loại lại tài sản		19,627,258				19,627,258
- Khấu hao trong năm	2,762,104,214		2,560,852,702	42,012,035		5,364,968,951
- Tăng khác						-
- Giảm trong năm	**-**	**-**	**317,158,319**	**51,436,782**	**-**	**368,595,101**
- Phân loại lại tài sản				19,627,258		19,627,258
- Thanh lý			317,158,319	31,809,524		348,967,843
- Giảm khác						-
Số dư cuối năm	***25,702,628,200***	***172,230,180***	***14,866,374,174***	***298,561,553***	**-**	***41,039,794,107***
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
- Tại ngày đầu năm	***11,030,975,293***	***97,218,610***	***13,770,144,178***	***28,257,979***	***150,000,000***	***25,076,596,060***
- Tại ngày cuối năm	***8,268,871,079***	**-**	***13,083,291,354***	***133,090,961***	***150,000,000***	***21,635,253,394***

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: *1,221,997,227*

Thuyết minh báo cáo tài chính

Đơn vị tính : VND

9. Các khoản vay và nợ ngắn hạn	**Cuối năm**		**Đầu năm**
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển VN - Sở giao dịch II	2,800,000,000	(h)	2,800,000,000
Cộng	**2,800,000,000**		**2,800,000,000**

(h) Số dư ngày 31/12/2009 là số dư nợ dài hạn đến hạn trả trong năm 2010 của khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư & Phát triển - Sở giao dịch II, nêu ở mục VI.15

10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước	**Cuối năm**		**Đầu năm**
- Phải trả người bán	4,981,172,624	(i)	3,285,215,476
- Người mua trả tiền trước	264,402,735		192,564,689
Cộng	**5,245,575,359**		**3,477,780,165**
(i) Bao gồm:			
- Công ty CP tư vấn XD & KPCL công trình Tín Nghĩa	713,109,174		
- CN Công ty Giám định Đại Việt	237,623,916		
- CN Công ty CP Bảo hiểm Petrolimex Tây Nguyên	95,905,395		
- Công ty TNHH MTV Tiếp Vận GEMADEPT	203,000,000		
- Công ty TNHH DV-VT Trương Minh Nghĩa	197,346,000		
- Hợp tác xã Đường Sông Quận 7	530,000,000		
- Công ty TNHH TM-DV XNK Phước Phong	766,000,001		
- Công ty CP Vận tải Dầu khí Quốc tế	307,313,266		
- Nhà cung cấp khác	1,930,874,872		
	4,981,172,624		

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	**Cuối năm**	**Đầu năm**
- Thuế giá trị gia tăng	255,641,385	454,091,451
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	511,568,451	671,342,375
- Thuế thu nhập cá nhân	-	125,685,641
- Các loại thuế khác	5,678,400	-
Cộng	**772,888,236**	**1,251,119,467**

12. Chi phí phải trả	**Cuối năm**	**Đầu năm**
- Trích trước chi phí vận chuyển của Xí nghiệp Vận tải và giao nhận	-	2,115,238,095
- Trích trước chi phí khảo sát, giao nhận của Xí nghiệp Vận tải và giao nhận	-	100,000,000
- Trích trước tiền công tác phí, của Xí nghiệp Vận tải và giao nhận	300,000,000	-
- Trích trước chi phí bốc xếp của Cảng Tân Thuận Đông	-	68,373,482
- Trích trước chi phí lãi vay khoản vay Yuan Cherng Holding Pte.Ltd.,	779,000,000	
- Khác	111,700,000	
Cộng	**1,190,700,000**	**2,283,611,577**

Thuyết minh báo cáo tài chính

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	**Cuối năm**		**Đầu năm**
- Kinh phí công đoàn	152,842,250		111,228,744
- Bảo hiểm xã hội	11,165,636		12,457,068
- Bảo hiểm y tế	-		-
- Thu tiền bồi thường giải phóng mặt bằng Quận 7, TP.HCM	163,709,877		163,709,877
- Phần vốn nhà nước còn phải nộp về Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	-		619,421,432
- Cổ tức phải trả	1,111,589,008		2,679,800,000
- Phải trả ông Nguyễn Bá Hùng - nhân viên công ty	-		111,096,300
- Phải trả ông Phạm Hoài Nam - nhân viên công ty	-		57,000,000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	103,705,066		148,499,795
Cộng	**1,543,011,837**		**3,903,213,216**

14. Phải trả dài hạn khác	**Cuối năm**		**Đầu năm**
- Phải trả dài hạn khác	60,000,000	(j)	60,000,000
Cộng	**60,000,000**		**60,000,000**

(j) Đây là khoản đặt cọc 3 tháng tiền thuê nhà của Ngân hàng xăng dầu Petrolimex.

15. Vay và nợ dài hạn	**Cuối năm**		**Đầu năm**
Vay dài hạn			
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển VN-Sở giao dịch II	1,400,000,000	(k)	4,200,000,000
- Yuan Cheng Holding Pte.Ltd.,	3,588,200,000	(l)	3,497,200,000
- Ngân hàng Thương mại CP Phương Đông	-		
Cộng	**4,988,200,000**		**7,697,200,000**

(k) Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN-Sở giao dịch II:

- Mục đích vay	Mua cảng Tân Thuận Đông
- Hợp đồng vay số	1182/2000/HĐ ngày 7 tháng 3 năm 2000
- Phụ lục hợp đồng	Ngày 23 tháng 7 năm 2001
- Phụ lục hợp đồng	Ngày 17 tháng 8 năm 2006
- Thời hạn vay	10 năm
- Lãi suất	5,4%/năm
- Số tiền vay	27.000.000.000 đồng

(l) Vay Yuan Cherng Holding Pte.Ltd., chi tiết như sau:

- Mục đích vay: mua 4 căn nhà tại đường Nguyễn Huệ, Quận I, thành phố Hồ Chí Minh để tham gia thành lập công ty liên doanh với bên cho vay. Tuy nhiên, hợp đồng liên doanh này không thực hiện được và Công ty đã chuyển nhượng vốn góp (quyền sử dụng đất) trong năm 2002.
- Hợp đồng vay không số, ngày 12 tháng 02 năm 1996.
- Số tiền vay: 200.000 USD, tương đương 3.588.200.000 đồng.

Thuyết minh báo cáo tài chính

16. Vốn chủ sở hữu

Tình hình biến động nguồn vốn chủ sở hữu:

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	LN sau thuế chưa phân phối	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Cộng
A	1	2	3	5	6	7	8	9
Số dư đầu năm nay	**20,822,000,000**	**5,166,010,000**	-	**444,485,066**	-	**13,702,601,122**	**266,630,692**	**40,401,726,880**
- Tăng trong năm	-	-	***(515,226,000)***	***2,534,191,945***	***6,482,200,000***	***8,952,426,144***	***3,645,109,177***	***21,098,701,266***
- Tăng vốn trong năm nay			-			-		-
- Lãi trong năm nay	-	-	-			8,891,244,530		**8,891,244,530**
- Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(515,226,000)	-	-		-	**(515,226,000)**
- Trích lập các quỹ	-	-	-	2,534,191,945	6,482,200,000		3,645,109,177	**12,661,501,122**
- Tăng khác	-	-	-	-	-	61,181,614	-	**61,181,614**
- Giảm trong năm	-	-	-	-	***198,343,146***	***15,760,837,122***	***2,499,839,000***	***18,459,019,268***
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
- Chi trả cổ tức 2009	-	-	-	-	-	3,099,336,000	-	**3,099,336,000**
- Trích quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	6,482,200,000	-	**6,482,200,000**
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	2,534,191,945	-	**2,534,191,945**
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	3,645,109,177	-	**3,645,109,177**
- Chi quỹ	-	-	-	-	198,343,146	-	2,499,839,000	**2,698,182,146**
Số dư cuối năm nay	**20,822,000,000**	**5,166,010,000**	**(515,226,000)**	**2,978,677,011**	**6,283,856,854**	**6,894,190,144**	**1,411,900,869**	**43,041,408,878**

Thuyết minh báo cáo tài chính

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính : VND

17. Doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu Cảng Tân Thuận Đông	37,491,521,427	46,704,247,626
- Doanh thu Xí nghiệp Vận tải & giao nhận	24,644,413,675	42,017,058,365
- Doanh thu Văn Phòng & Chi nhánh Cần thơ	678,255,573	2,707,521,048
- Doanh thu chi nhánh Hà Nội	2,885,025,479	5,847,514,493
Doanh thu thuần	**65,699,216,154**	**97,276,341,532**
- Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Cộng	**65,699,216,154**	**97,276,341,532**

18. Giá vốn hàng hán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	48,379,764,159	66,503,227,901
Cộng	**48,379,764,159**	**66,503,227,901**

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	721,926,733	1,256,211,921
- Lãi chênh lệch tỷ giá	658,654	44,282,907
- Lợi nhuận được chia từ công ty Liên doanh	137,889,482	-
- Khác	7,854,472	
Cộng	**868,329,341**	**1,300,494,828**

20. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	1,104,395,000	480,165,000
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư khoản vay dài hạn của Yuan Cherng Holding Pte.Ltd.,	91,000,000	375,600,000
- Chênh lệch tỷ giá thanh toán	164,994,850	52,727,076
Cộng	**1,360,389,850**	**908,492,076**

21. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Kết chuyển các khoản BHXH, BHYT trích thừa từ các năm trước		194,204,262
- Thu nhập từ thanh lý	154,545,454	12,155,024
- Khác	65,914,000	
Cộng	**220,459,454**	**206,359,286**

22. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Kinh phí di chuyển nhà	6,000,000	71,000,000
- Chi phí thanh lý	19,596,681	
- Chi phí khác	8,750,000	37,798,571
Cộng	**34,346,681**	**108,798,571**

PDF Complete
Your complimentary use period has ended. Thank you for using PDF Complete.
Click Here to upgrade to Unlimited Pages and Expanded Features

Thuyết minh báo cáo tài chính

23. **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	857,209,243	3,232,062,973
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành của năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	857,209,243	3,232,062,973
Cộng	**857,209,243**	**3,232,062,973**

24. **Chi phí thuế TNDN hoãn lại**	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	245,000,000
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	245,000,000
Cộng	-	**245,000,000**

25. **Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên vật liệu	1,466,894,949	3,797,813,354
- Chi phí nhân công	12,415,392,066	14,483,087,600
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	5,364,968,951	6,181,750,673
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	27,809,370,992	37,624,379,639
- Chi phí khác bằng tiền	10,482,508,198	14,144,712,862
Cộng	**57,539,135,156**	**76,231,744,128**

Ngày 09 tháng 03 năm 2010

Kế Toán Trưởng

Trần Đắc Long

Tổng Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN

Ngô Ngọc Tôn